

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”.**

*(Trữ lượng tính đến ngày 11 tháng 10 năm 2024)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định 23/2020/NĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 /12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 /12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT*

ngày 22/4/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép số 145/GP-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề ngày 24/10/2024 của Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1819/TTr-STNMT ngày 02/12/2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 10,0 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 122 đã tính trong báo cáo: 1.413.468 m<sup>3</sup>, trong đó:

- Trữ lượng cát đen: 1.141.941 m<sup>3</sup>.

- Trữ lượng cát vàng: 271.527 m<sup>3</sup>.

3. Khoáng sản đi kèm: Không.

4. Cao độ tính trữ lượng thấp nhất: Cos -7,0 m.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02A.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản cát được phép đưa vào thiết kế khai thác cấp 122 là: 1.232.804 m<sup>3</sup>, trong đó:

+ Trữ lượng cát đen: 995.175 m<sup>3</sup>.

+ Trữ lượng cát vàng: 236.629 m<sup>3</sup>.

- Cao độ tính trữ lượng thấp nhất các khối trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác (chi tiết tại Phụ lục số 02B).

+ Tại khối 1-122: cos +0,3m;

+ Tại khối 2-122 và 3-122: cos – 7,0 m;

*(Ranh giới các khối tính trữ lượng được thể hiện tại Bình đồ phân khối và tính trữ lượng - Bản vẽ số 05 kèm theo Báo cáo)*

- Khoáng sản đi kèm: Không.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN và MT);
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Cục Địa chất Việt Nam;
- Các Sở: TN và MT, XD;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Cty TNHH một thành viên Trường Tuấn;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG  
KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG  
TẠI MỎ CÁT XÃ YÊN PHONG, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000	
		(Kinh tuyến trục 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
		X(m)	Y(m)
<b>10,0 ha</b>	1	2214 858,15	562 981,50
	2	2214 802,00	562 980,90
	3	2214 768,83	563 235,36
	4	2214 754,09	563 414,33
	5	2214 659,61	563 756,96
	6	2214 593,87	563 976,61
	7	2214 624,95	564 003,37
	8	2214 799,19	563 743,43
	9	2214 928,11	563 453,99
	10	2214 821,87	563 425,12
	11	2214 833,00	563 224,00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
THƯỜNG THƯỜNG TẠI MỎ CÁT XÃ YÊN PHONG,  
HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

<b>STT</b>	<b>Khối trữ lượng</b>	<b>Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)</b>	<b>Tổng trữ lượng (m<sup>3</sup>)</b>
1	1-122	- 7,0	<b>333.246</b>
2	2-122	- 7,0	<b>573.276</b>
3	3-122	- 7,0	<b>303.188</b>
<b>Tổng trữ lượng địa chất các khối</b>			<b>1.209.710</b>
<b>Trữ lượng bồi lắng</b>			<b>203.758</b>
<b>Tổng trữ lượng mỏ</b>			<b>1.413.468</b>
Cát đen (80,79%)			<b>1.141.941</b>
Cát vàng (19,21%)			<b>271.527</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
THƯỜNG THƯỜNG TẠI MỎ CÁT XÃ YÊN PHONG,  
HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA  
(Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác)**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

<b>STT</b>	<b>Khối trữ lượng</b>	<b>Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)</b>	<b>Tổng trữ lượng (m<sup>3</sup>)</b>
1	1-122	+ 0,3	<b>151.582</b>
2	2-122	- 7,0	<b>573.276</b>
3	3-122	- 7,0	<b>303.188</b>
<b>Tổng trữ lượng địa chất các khối</b>			<b>1.028.046</b>
<b>Trữ lượng bồi lắng</b>			<b>203.758</b>
<b>Tổng trữ lượng mỏ</b>			<b>1.231.804</b>
Cát đen (80,79%)			<b>995.175</b>
Cát vàng (19,21%)			<b>236.629</b>